

Bạch Thế Tôn! Bồ thí Ba-la-mật-đa, không buộc, không mở; tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa, không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa không có sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh của tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là viễn ly, nên không buộc, không mở; vì tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã-ba-la-mật-đa là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là tịch tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã-ba-la-mật-đa là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là không, nên không buộc, không mở; vì tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã-ba-la-mật-đa là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã-ba-la-mật-đa là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là vô nguyên, nên không buộc, không mở; vì tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã-ba-la-mật-đa là vô nguyên, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là vô sanh, nên không buộc, không mở; vì tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã-ba-la-mật-đa là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là vô diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã-ba-la-mật-đa là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là vô nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã-ba-la-mật-đa là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bồ thí Ba-la-mật-đa là vô tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của tịnh giới cho đến Bát-nhã-ba-la-mật-đa là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn! Năm loại mắt, không buộc, không mở; sáu phép thần thông, không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của năm loại mắt không có sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh của sáu phép thần thông không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của năm loại mắt là viễn ly, nên không buộc, không mở; vì tánh của sáu phép thần thông là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của năm loại mắt là tịch tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của sáu phép thần thông là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của năm loại mắt là không, nên không buộc, không mở; vì tánh của sáu phép thần thông là không, nên không

buộc, không mở. Vì tánh của năm loại mắt là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh của sáu phép thần thông là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của năm loại mắt là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh của sáu phép thần thông là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của năm loại mắt là vô sanh, nên không buộc, không mở; vì tánh của sáu phép thần thông là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của năm loại mắt là vô diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh của sáu phép thần thông là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của năm loại mắt là vô nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh của sáu phép thần thông là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của năm loại mắt là vô tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của sáu phép thần thông là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn! Mười lực của Phật, không buộc, không mở; bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng, không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của mười lực của Phật không có sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh của bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của mười lực Phật là viễn ly, nên không buộc, không mở; vì tánh của bốn điều không sợ cho đến trí nhất thiết tướng là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của mười lực Phật là tịch tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của bốn điều không sợ cho đến trí nhất thiết tướng là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của mười lực Phật là không, nên không buộc, không mở; vì tánh của bốn điều không sợ cho đến trí nhất thiết tướng là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của mười lực Phật là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh của bốn điều không sợ cho đến trí nhất thiết tướng là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của mười lực Phật là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh của bốn điều không sợ cho đến trí nhất thiết tướng là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của mười lực Phật là vô sanh, nên không buộc, không mở; vì tánh của bốn điều không sợ cho đến trí nhất thiết tướng là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của mười lực Phật là vô diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh của bốn điều không sợ cho đến trí nhất thiết tướng là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của mười lực Phật là vô nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh của bốn điều

không sợ cho đến trí nhất thiết tướng là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của mười lực Phật là vô tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của bốn điều không sợ cho đến trí nhất thiết tướng là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn! Chơn như, không buộc, không mở; pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, định pháp, trụ pháp, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, thật tế, tánh vô vi, không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của chơn như không có sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp giới, pháp tánh, tánh chẳng hư vọng, tánh chẳng đổi khác, định pháp, trụ pháp, tánh bình đẳng, tánh ly sanh, thật tế, tánh vô vi không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của chơn như là viễn ly, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp giới cho đến tánh của vô vi là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của chơn như là tịch tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp giới cho đến tánh của vô vi là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của chơn như là không, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp giới cho đến tánh của vô vi là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của chơn như là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp giới cho đến tánh của vô vi là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của chơn như là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp giới cho đến tánh của vô vi là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của chơn như là vô sanh, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp giới cho đến tánh của vô vi là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của chơn như là vô diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp giới cho đến tánh của vô vi là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của chơn như là vô nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp giới cho đến tánh của vô vi là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của chơn như là vô tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của pháp giới cho đến tánh của vô vi là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn! Bồ-đề, không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của Bồ-đề không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Bồ-đề là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Bồ-đề là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Bồ-đề là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Bồ-đề là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Bồ-đề là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Bồ-đề là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Bồ-đề là vô diệt, nên không buộc, không

mở. Vì tánh của Bồ-đề là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Bồ-đề là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn! Tát-đỏa, không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của Tát-đỏa không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Tát-đỏa là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Tát-đỏa là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Tát-đỏa là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Tát-đỏa là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Tát-đỏa là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Tát-đỏa là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Tát-đỏa là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Tát-đỏa là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của Tát-đỏa là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát, không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của đại Bồ-tát không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của đại Bồ-tát là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của đại Bồ-tát là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của đại Bồ-tát là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của đại Bồ-tát là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của đại Bồ-tát là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của đại Bồ-tát là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của đại Bồ-tát là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của đại Bồ-tát là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của đại Bồ-tát là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn! Quả vị giác ngộ cao tột, không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của quả vị giác ngộ cao tột không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của quả vị giác ngộ cao tột là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của quả vị giác ngộ cao tột là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của quả vị giác ngộ cao tột là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của quả vị giác ngộ cao tột là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của quả vị giác ngộ cao tột là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của quả vị giác ngộ cao tột là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của quả vị giác ngộ cao tột là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của quả vị giác ngộ cao tột là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của quả vị giác ngộ cao tột là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn! Bạc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột, không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của bạc chứng đắc

quả vị giác ngộ cao tột không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bậc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bậc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bậc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bậc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bậc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bậc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bậc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bậc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của bậc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Bạch Thế Tôn! Nói tóm lại, tất cả pháp đều không buộc, không mở. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tánh của tất cả pháp không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của tất cả pháp là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của tất cả pháp là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của tất cả pháp là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của tất cả pháp là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của tất cả pháp là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của tất cả pháp là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của tất cả pháp là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của tất cả pháp là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của tất cả pháp là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Khi ấy, Mãn Từ Tử hỏi Thiện Hiện: Tôn giả nói sắc không buộc, không mở; nói thọ, tưởng, hành, thức v.v... không buộc, không mở chẳng?

Thiện Hiện đáp: Đúng vậy! Đúng vậy!

Mãn Từ Tử hỏi: Những sắc nào là không buộc, không mở? những thọ, tưởng, hành, thức ... nào là không buộc, không mở?

Thiện Hiện đáp: Sắc như huyễn là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như huyễn là không buộc, không mở. Sắc như mộng là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như mộng là không buộc, không mở. Sắc như ảnh tượng là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như ảnh tượng là không buộc, không mở. Sắc như tiếng vang là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như tiếng vang là không buộc, không mở. Sắc như bóng sáng là không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức như bóng sáng là không buộc, không mở. Sắc như hoa đóm giữa hư không là không buộc, không mở;

thọ, tướng, hành, thức như hoa đóm giữa hư không là không buộc, không mở. Sắc như bóng nắng là không buộc, không mở; thọ, tướng, hành, thức như bóng nước là không buộc, không mở. Sắc như ảo thành là không buộc, không mở; thọ, tướng, hành, thức như ảo thành là không buộc, không mở. Sắc như việc biến hóa là không buộc, không mở; thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa là không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì tánh của sắc như huyễn ... cho đến tánh của sắc như việc biến hóa không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của thọ, tướng, hành, thức như huyễn ... cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa không có sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh của sắc như huyễn ... cho đến tánh của sắc như việc biến hóa là viễn ly, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức như huyễn ... cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc như huyễn ... cho đến tánh của sắc như việc biến hóa là tịch tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức như huyễn ... cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc như huyễn ... cho đến tánh của sắc như việc biến hóa là không, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức như huyễn ... cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc như huyễn ... cho đến tánh của sắc như việc biến hóa là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức như huyễn ... cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc như huyễn ... cho đến tánh của sắc như việc biến hóa là vô nguyên, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức như huyễn ... cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa là vô nguyên, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc như huyễn ... cho đến tánh của sắc như việc biến hóa là vô sanh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức như huyễn ... cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc như huyễn ... cho đến tánh của sắc như việc biến hóa là vô diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức như huyễn ... cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc như huyễn ... cho đến tánh của sắc như việc biến hóa là vô nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức như huyễn... cho đến

tánh của thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc như huyễn ... cho đến tánh của sắc như việc biến hóa là vô tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức như huyễn ... cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức như việc biến hóa là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử! Sắc quá khứ không buộc, không mở; thọ, tướng, hành, thức quá khứ không buộc, không mở. Sắc vị lai không buộc, không mở; thọ, tướng, hành, thức vị lai không buộc, không mở. Sắc hiện tại không buộc, không mở; thọ, tướng, hành, thức hiện tại không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì tánh của sắc quá khứ, vị lai, hiện tại không có sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là viễn ly, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là tịch tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là không, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô nguyên, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là vô nguyên, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô sanh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc quá khứ, vị lai, hiện tại là vô tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử! Sắc thiện, không buộc, không mở; thọ, tướng, hành, thức thiện không buộc, không mở. Sắc bất thiện, không buộc,

không mở; thọ, tưởng, hành, thức bất thiện, không buộc, không mở. Sắc vô ký, không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô ký, không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì tánh của sắc thiện, bất thiện, vô ký không có sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký, không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc thiện, bất thiện, vô ký là viễn ly, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc thiện, bất thiện, vô ký là tịch tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc thiện, bất thiện, vô ký là không, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc thiện, bất thiện, vô ký là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc thiện, bất thiện, vô ký là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc thiện, bất thiện, vô ký là vô sanh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là vô sanh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc thiện, bất thiện, vô ký là vô diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc thiện, bất thiện, vô ký là vô nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc thiện, bất thiện, vô ký là vô tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tưởng, hành, thức thiện, bất thiện, vô ký là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử! Sắc hữu nhiễm, không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hữu nhiễm, không buộc, không mở. Sắc vô nhiễm, không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô nhiễm, không buộc, không mở. Sắc hữu tội, không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hữu tội, không buộc, không mở. Sắc vô tội, không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô tội, không buộc, không mở. Sắc hữu lậu, không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, không buộc, không mở. Sắc vô lậu, không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô lậu, không buộc, không mở. Sắc tạp nhiễm, không buộc, không mở; thọ, tưởng, hành, thức tạp nhiễm, không buộc, không mở. Sắc



thanh tịnh, không buộc, không mở; thọ, tướng, hành, thức thanh tịnh, không buộc, không mở. Sắc thể gian, không buộc, không mở; thọ, tướng, hành, thức thể gian, không buộc, không mở. Sắc xuất thể gian, không buộc, không mở; thọ, tướng, hành, thức xuất thể gian, không buộc, không mở. Vì sao? Mãn Từ Tử! Vì tánh của sắc hữu nhiễm cho đến tánh của sắc xuất thể gian không có sở hữu, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức xuất thể gian không có sở hữu, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc hữu nhiễm cho đến tánh của sắc xuất thể gian là viễn ly, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức xuất thể gian là viễn ly, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc hữu nhiễm cho đến tánh của sắc xuất thể gian là tịch tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức xuất thể gian là tịch tịnh, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc hữu nhiễm cho đến tánh của sắc xuất thể gian là không, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức xuất thể gian là không, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc hữu nhiễm cho đến tánh của sắc xuất thể gian là vô tướng, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức xuất thể gian là vô tướng, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc hữu nhiễm cho đến tánh của sắc xuất thể gian là vô nguyện, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức xuất thể gian là vô nguyện, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc hữu nhiễm cho đến tánh của sắc xuất thể gian là vô nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức xuất thể gian là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc hữu nhiễm cho đến tánh của sắc xuất thể gian là vô diệt, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức xuất thể gian là vô diệt, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc hữu nhiễm cho đến tánh của sắc xuất thể gian là vô nhiễm, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng, hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh của thọ, tướng, hành, thức xuất thể gian là vô nhiễm, nên không buộc, không mở. Vì tánh của sắc hữu nhiễm cho đến tánh của sắc xuất thể gian là vô tịnh, nên không buộc, không mở; vì tánh của thọ, tướng,

hành, thức hữu nhiễm cho đến tánh của thọ, tưởng, hành, thức xuất thế gian là vô tịnh, nên không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức như vậy không buộc, không mở, nên biết như vậy thì nhãn xứ cho đến ý xứ, sắc xứ cho đến pháp xứ; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc cùng các thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới và ý xúc cùng các thọ do ý xúc làm duyên sanh ra; địa giới cho đến thức giới; Thánh đế khổ, cho đến thánh đế đạo; vô minh cho đến lão tử, sầu, than, khổ, ưu, não; cái không nội cho đến cái không không tánh tự tánh; bốn tịnh lự cho đến bốn định vô sắc; bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo; pháp môn giải thoát không cho đến pháp môn giải thoát vô nguyện; bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã-ba-la-mật-đa; năm loại mắt, sáu phép thần thông; mười lực của Phật cho đến trí nhất thiết tướng; chơn như cho đến vô vi; Bồ-đề, Tát-đỏa, đại Bồ-tát, quả vị giác ngộ cao tột, bậc chứng đắc quả vị giác ngộ cao tột, tất cả pháp tương ưng với các pháp đó, lại cũng không buộc, không mở như vậy.

Mãn Từ Tử! Các đại Bồ-tát đối với pháp môn, không buộc, không mở như vậy, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên biết như thật; đối với bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy chi đẳng giác, tám chi thánh đạo, pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa, năm loại mắt, sáu phép thần thông, mười lực của Phật, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng không buộc, không mở như vậy, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên siêng năng tu học.

Mãn Từ Tử! Các đại Bồ-tát, lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên an trú bốn tịnh lự, không buộc, không mở cho đến nên an trú trí nhất thiết tướng, không buộc, không mở; lấy vô sở đắc làm phương tiện, nên thành thực hữu tình, không buộc, không mở, nên nghiêm tịnh cõi Phật, không buộc, không mở, nên thân cận cúng dường chư Phật, không buộc, không mở, nên nghe, nhận lãnh pháp môn, không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử! Đại Bồ-tát ấy, thường chẳng xa lìa chư Phật Thế Tôn, không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa năm loại mắt thanh tịnh, không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa sáu phép thần thông thù thắng, không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa pháp môn Đà-

la-ni, không buộc, không mở; thường chẳng xa lìa pháp môn Tam-ma-địa, không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử! Đại Bồ-tát ấy sẽ phát sanh trí đạo tướng, không buộc, không mở; sẽ chứng đắc trí nhất thiết, trí nhất thiết tướng, không buộc, không mở; sẽ chuyển pháp luân, không buộc, không mở; sẽ dùng pháp Ba-thừa, không buộc, không mở, an lập các hữu tình, không buộc, không mở.

Này Mãn Từ Tử! Nếu đại Bồ-tát tu hành sáu phép Ba-la-mật-đa, không buộc, không mở, thì sẽ chứng đắc, không buộc, không mở, vì tất cả pháp không có sở hữu, viễn ly, tịch tịnh, không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm, vô tịnh đều không buộc, không mở.

Mãn Từ Tử! Nên biết, đại Bồ-tát ấy, gọi là người mặc áo giáp Đại-thừa không buộc, không mở.